

Số: 23/2026/QĐST-VHNGĐ

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 23/2026/TLST- VHNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình:

1. Anh **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1991; CCCD số: 038091027842 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày : 16/10/2022

Nơi thường trú: **thôn T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa**

Nơi ở hiện tại: TDP Bắc Nam, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1996; CCCD số: 019196009729 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày : 14/9/2021

Nơi thường trú: **xóm K, xã P, tỉnh Thái Nguyên**

Nơi ở hiện tại: **TDP B, phường V, tỉnh Thái Nguyên**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh **Nguyễn Mạnh C** và chị **Nguyễn Thị Q** kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 22/8/2017.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và cũng đã có 01 con chung vào năm 2017. Quá trình chung sống khoảng hơn 1 năm trở lại đây thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng không thể bàn bạc, trao đổi với nhau bất cứ công việc gì. Bên cạnh đó, do điều kiện công việc trái ca nên anh chị không có thời gian gặp nhau nhiều, dẫn đến tình cảm vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt, xa cách và không có tiếng nói chung, cũng không có sinh hoạt vợ chồng bình thường từ trước tết

cho đến nay, mặc dù vẫn chung sống dưới một mái nhà. Anh chị cũng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để tìm ra cách để giải quyết những mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả. Cả hai anh chị đều thấy rằng không còn tình cảm với nhau và đều không có hạnh phúc trong cuộc hôn nhân này nên đã quyết định thống nhất làm đơn thuận tình ly hôn. Sau đó thì chị **Q** cũng đã dọn đồ đạc đi chỗ khác ở từ tháng 3/2026 cho đến nay. Quá trình hòa giải, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh **C**, chị **Q** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung vợ chồng, do đó việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/5/2026 của Tòa án là tự nguyện, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **Nguyễn Mạnh C** và chị **Nguyễn Thị Quỳnh**.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 07/10/2017. Khi ly hôn, anh chị đã thỏa thuận anh **C** là người trực tiếp nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4]: Khoản cho vay chung: Không có

[5]. Về Lệ phí: anh **C**, chị **Q** thỏa thuận chị **Q** chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào có ý kiến thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Mạnh C** và chị **Nguyễn Thị Quỳnh**.

1.2. Về con chung: Anh **Nguyễn Mạnh C** và chị **Nguyễn Thị Q** xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 07/10/2017.

Anh **C**, chị **Q** nhất trí thỏa thuận: Anh **Nguyễn Mạnh C** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 07/10/2017 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.4. Khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

1.5. Về Lệ phí: anh **C**, chị **Q** thỏa thuận chị **Q** chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0002036 ngày 13/5/2026.

2.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND KV2-TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Tiến, Thanh Hóa;
- (ĐKKH: số 50/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Bích Ngọc